

Số: 04/2024/QĐST-DS

YD, ngày 02 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 125/2024/TLST- DS ngày 20 ngày 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ trụ sở: Số XX, đường LH, phường LH, quận DD, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD. Chức vụ: CTHDQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NHB, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân miền Bắc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông NNH - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng X, toà nhà Ngân hàng TMCP VNTV, số 2X-3X đường NTMK, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG theo văn bản uỷ quyền số 1688/2024/UQ-VPB ngày 15/02/2024.

- **Bị đơn:** Ông LVT, sinh năm 1983 và bà TTN, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông LVC, sinh năm 1963 và bà NTA, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông LVT và bà TTN có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/4/2024 là 2.354.697.913 đồng (*Hai tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm chín bảy nghìn chín trăm mười ba đồng*),

trong đó số tiền gốc là 1.801.519.479 đồng (*Một tỷ, tám trăm linh một triệu, năm trăm mười chín nghìn, bốn trăm bảy chín đồng*); số tiền lãi là 536.308.322 đồng (*Năm trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm linh tám nghìn, ba trăm hai hai đồng*); tiền lãi chậm trả là 16.870.112 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, một trăm mười hai đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2205145766296 ngày 17/05/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo ngày 18/05/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/06/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/4/2021.

2.2. Thời gian trả nợ như sau: Ngày 30/5/2024, ông LVT và bà TTN trả cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền 2.354.697.913 đồng (*Hai tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm chín bảy nghìn chín trăm mười ba đồng*) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 20/4/2024 cho đến khi ông Tuấn và bà Nguyễn tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Trường hợp ông LVT và bà TTN vi phạm kỳ hạn trả nợ thì Ngân hàng TMCP VNTV được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án và Ngân hàng được đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng diện tích 563m² đất; địa chỉ: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG do UBND huyện YD cấp cho ông Lê Văn Triều (theo nội dung đính chính ngày 11/6/2019 là LVC) ngày 18/12/2000 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 756685 QSDĐ/493/QĐ-CT-H, đăng ký biến động ngày 29/8/2019 về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông LVT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 99/HĐTC-2021 ngày 07/05/2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Tự, số công chứng 715/2021, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/PLHĐ ngày 17/05/2022, số công chứng 770, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp 99/HĐTC-2021 ngày 07/05/2021).

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày Toà án lập hòa giải thành (ngày 20/4/2024) người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất như trong các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2205145766296 ngày 17/05/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo ngày 18/05/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/06/2022 và

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/4/2021 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông LVT và bà TTN phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP VNTV được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) khi ông Tuấn và bà Nguyễn nộp lại.

2.6. Về án phí:

2.6.1. Ông LVT và bà TTN phải chịu 39.546.979 đồng (*Ba mươi chín triệu, năm trăm bốn sáu nghìn, chín trăm bảy chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.6.2. Trả lại Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 36.962.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000433 ngày 19/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh BG.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hằng